

BỘ Y TẾ
BỆNH VIỆN NHI TRUNG ƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 323 /TB-BVNTW

Hà Nội, ngày 17 tháng 7 năm 2025

THÔNG BÁO

V/v: Mời báo giá cung cấp Hệ thống bàn xét nghiệm tại Bệnh viện Nhi
Trung ương cơ sở 2 năm 2025

Kính gửi: Quý công ty/Nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Nhi Trung ương đang có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá dự toán, làm cơ sở mua sắm "**Hệ thống bàn xét nghiệm tại Bệnh viện Nhi Trung ương cơ sở 2 năm 2025**". Nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

- Tên đơn vị: Bệnh viện Nhi Trung ương.
- Địa chỉ: Số 18/879 đường La Thành, phường Láng, thành phố Hà Nội.

2. Hồ sơ báo giá hợp lệ bao gồm:

- Hồ sơ pháp lý của doanh nghiệp (Giấy đăng ký kinh doanh/ Giấy phép hoạt động, xác nhận mã ngành nghề đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Báo giá theo **Mẫu báo giá** tại **Phụ lục** đính kèm Thông báo này;
- Báo giá trọn gói (giá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí, các chi phí khác,... phù hợp với quy định của pháp luật, có tính cạnh tranh);
- Gửi báo giá trong thời hạn quy định tại Thông báo này;
- Hiệu lực báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày hết thời hạn nhận báo giá;

3. Thời gian nộp báo giá, hình thức gửi báo giá và nơi tiếp nhận hồ sơ báo giá:

- a) Thời hạn nộp báo giá: Từ ngày đăng thông báo đến 16 giờ 30 phút ngày 22/7/2025

(Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên có thể không được xem xét)

- b) Hình thức gửi báo giá: Nộp trực tiếp Bản giấy báo giá tại nơi tiếp nhận theo Thông báo (Đại diện đơn vị nộp báo giá có giấy giới thiệu, căn cước công dân, số điện thoại liên hệ).

Nal

c) Nơi tiếp nhận hồ sơ báo giá:

- Văn thư Bệnh viện – Tầng 3 nhà A (Nhà 15 tầng) Bệnh viện Nhi Trung ương. Địa chỉ: 18/879 đường La Thành, phường Láng, thành phố Hà Nội.

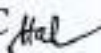
- Số điện thoại: 024.627.38886 (Chuyên viên Nguyễn Thanh Hà).

Lưu ý: Báo giá phải được người có thẩm quyền ký trực tiếp trên văn bản giấy, khi ký văn bản dùng bút có mực màu xanh, không dùng các loại mực dễ phai hoặc dùng dấu chữ ký khắc sẵn của người có thẩm quyền để ký báo giá.

Trân trọng 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, HCQT (01).

GIÁM ĐỐC 

 Trần Minh Điển

PHỤ LỤC 01 – MẪU BÁO GIÁ
(Kèm theo Thông báo số 313/TB-BVNTW ngày 17/7/2025)

**TÊN ĐƠN VỊ
CUNG CẤP**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng ... năm 2025

BÁO GIÁ

**HỆ THỐNG BÀN XÉT NGHIỆM TẠI BỆNH VIỆN NHI TRUNG ƯƠNG CƠ SỞ 2
NĂM 2025**

Kính gửi: Bệnh viện Nhi Trung ương

“.....(tên đơn vị)....., có địa chỉ tại....., số đăng ký kinh doanh..... được cấp bởi.....”

Căn cứ Thông báo mời báo giá của Bệnh viện Nhi Trung ương và khả năng cung cấp, chúng tôi xin gửi báo giá hệ thống bàn xét nghiệm tại Bệnh viện Nhi Trung ương sơ cơ 2 năm 2025 theo yêu cầu của Quý Bệnh viện. Chúng tôi cam kết cung cấp trọn gói toàn bộ danh mục, số lượng hàng hóa đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật theo yêu cầu tại cam kết với đơn giá như sau:

Đơn vị: Đồng

Stt	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
A	Bàn đặt máy (BDM)	Cái	14			
1	BDM1	Cái	1			Bàn đặt máy công thức máu
2	BDM2	Cái	2			Bàn đặt máy đông máu
3	BDM3	Cái	1			Bàn đặt máy nước tiểu huyết học
4	BDM4	Cái	2			Bàn đặt máy nước tiểu hóa sinh
5	BDM5	Cái	1			Bàn đặt máy Xpet và máy tính phòng Lao
6	BDM6	Cái	1			Bàn đặt máy ly tâm phòng Lao
7	BDM7	Cái	1			Bàn để máy ly tâm và làm test
8	BDM8	Cái	1			Bàn để hệ thống miễn dịch
9	BDM9	Cái	1			Bàn để Immount
10	BDM10	Cái	1			Bàn để máy Vitek và máy tính
11	BDM11	Cái	1			Bàn để lò vi sóng
12	BDM12	Cái	1			Bàn để bể điều nhiệt

Handwritten signature

Stt	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
B	Bàn thao tác (BTT)		40			
1	BTT1	Cái	2			Bàn chuyển bom xét nghiệm
2	BTT2	Cái	11			Bàn làm việc
3	BTT3	Cái	2			Bàn duyệt kết quả hóa sinh
4	BTT4	Cái	1			Bàn xét nghiệm kèm bể nhuộm đơn 2 (Giải phẫu 7)
5	BTT5	Cái	1			Bàn xét nghiệm 1 (Giải phẫu 1)
6	BTT6	Cái	1			Bàn xét nghiệm 2 (Giải phẫu 2)
7	BTT7	Cái	1			Bàn xét nghiệm 3 (Giải phẫu 3)
8	BTT8	Cái	1			Bàn xét nghiệm 4 (Giải phẫu 6)
9	BTT9	Cái	1			Bàn xét nghiệm 5 (Giải phẫu 5)
10	BTT10	Cái	1			Bàn xét nghiệm 6 (Giải phẫu 8)
11	BTT11	Cái	1			Bàn đọc tiêu bản (Giải phẫu 9)
12	BTT12	Cái	1			Bàn nhỏ mẫu
13	BTT13	Cái	1			Bàn thực hiện kỹ thuật phòng ký sinh trùng
14	BTT14	Cái	1			Bàn máy tính tra kết quả phòng ký sinh trùng
15	BTT15	Cái	1			Bàn xử lý mẫu phòng kháng sinh đồ
16	BTT16	Cái	1			Bàn chuẩn bị môi trường phòng nuôi cấy
17	BTT17	Cái	1			Bàn nhận mẫu
18	BTT18	Cái	1			Bàn trả kết quả
19	BTT19	Cái	1			Bàn làm xét nghiệm phòng nuôi cấy
20	BTT20	Cái	3			Bàn truyền máu 1
21	BTT21	Cái	2			Bàn truyền máu 2
22	BTT22	Cái	1			Bàn truyền máu 3 (mặt bàn liền một khối)
23	BTT23	Cái	1			Bàn truyền máu 4
24	BTT24	Cái	1			Bàn truyền máu 5
25	BTT25	Cái	1			Bàn truyền máu 6

Stt	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
C	Bàn thao tác Inox (BTT Inox)		10			
26	BTT Inox 26	Cái	1			Bàn xét nghiệm kết hợp bồn rửa
27	BTT Inox 27	Cái	1			Bàn inox có bồn phòng môi trường
28	BTT Inox 28	Cái	1			Bàn rửa dụng cụ
29	BTT Inox 29	Cái	1			Bồn nhuộm phòng nuôi cấy
30	BTT Inox 30	Cái	1			Bàn inox rửa dụng cụ
31	BTT Inox 31	Cái	1			Bàn xét nghiệm kèm bể nhuộm đơn 1 (Giải phẫu 4)
32	BTT Inox 32	Cái	1			Bồn nhuộm phòng Lao
33	BTT Inox 33	Cái	1			Bồn rửa inox phòng Miễn dịch
34	BTT Inox 34	Cái	1			Bồn rửa inox phòng ký sinh trùng
35	BTT Inox 35	Cái	1			Bàn inox phơi môi trường
Tổng cộng						
Đơn giá trên đã bao gồm giá hàng hóa, thi công, lắp đặt, bảo hành sau khi nghiệm thu và các loại thuế theo quy định của pháp luật, chi phí vận chuyển, bàn giao tại nơi nghiệm thu sử dụng - Bệnh viện Nhi Trung ương Cơ sở 2 (địa chỉ tại Xã Kiều Phú, thành phố Hà Nội)						
- Báo giá có hiệu lực: 90 ngày kể từ ngày 22/7/2025. - Chúng tôi cam kết cung cấp trọn gói toàn bộ danh mục, số lượng hàng hóa theo yêu cầu, đáp ứng về tiêu chuẩn kỹ thuật của Quý Bệnh viện.						

....., ngày tháng ... năm 2025

Đại diện hợp pháp của đơn vị báo giá
(Ký, ghi rõ chức danh, họ tên và đóng dấu)

hcl

TÊN ĐƠN VỊ
CUNG CẤP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
....., ngày tháng ... năm 2025

**CAM KẾT CUNG CẤP HÀNG HÓA ĐÁP ỨNG TIÊU CHUẨN KỸ
THUẬT HÀNG HÓA HỆ THỐNG BÀN XÉT NGHIỆM TẠI BỆNH VIỆN
NHI TRUNG ƯƠNG CƠ SỞ 2 NĂM 2025**

Kính gửi: Bệnh viện Nhi Trung ương

“.....(tên đơn vị)....., có địa chỉ tại....., số đăng ký kinh doanh..... được cấp bởi.....” cam kết cung cấp trọn gói toàn bộ hàng hóa đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật theo yêu cầu của Bệnh viện, cụ thể:

- Toàn bộ hàng hóa sản xuất mới 100% có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng. Hàng hóa không bị lỗi, phải đảm bảo sử dụng an toàn, các đường nét mềm mại, không sắc nhọn gây tổn thương cho người sử dụng;

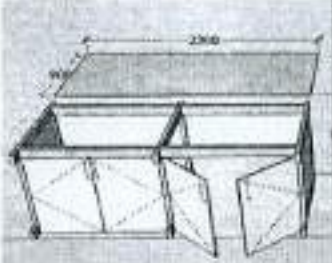
- Thời gian giao hàng: Lắp đặt hoàn chỉnh hệ thống bàn cho khối xét nghiệm trong vòng 90 ngày kể từ đặt hàng;

- Địa điểm: Bệnh viện Nhi Trung ương - Cơ sở 2 tại xã Kiều Phú, thành phố Hà Nội;

- Thời gian bảo hành: ≥ 12 tháng kể từ khi ký kết biên bản bàn giao, nghiệm thu. Bố trí nhân viên lắp đặt/ sửa chữa/bảo hành có kinh nghiệm, chuyên nghiệp thực hiện;

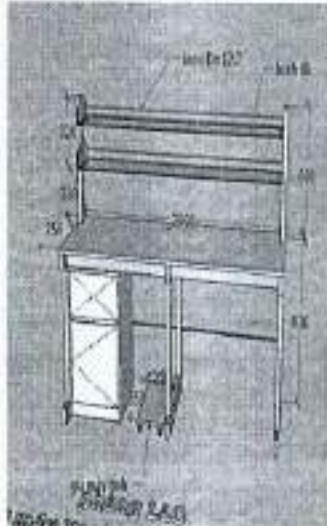
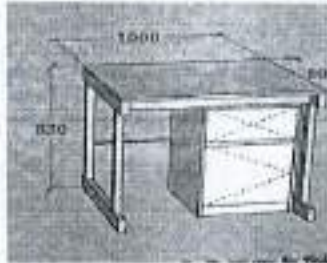
Hàng hóa chúng tôi cung cấp cam kết đáp ứng được các yêu cầu về tiêu chuẩn kỹ thuật của Bệnh viện quy định dưới đây:

Handwritten signature

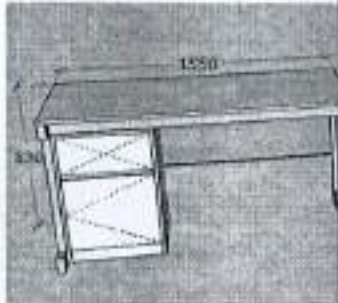
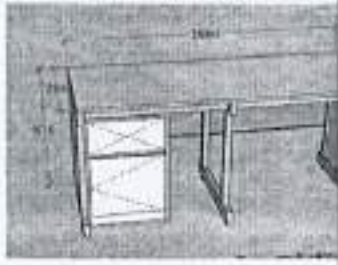
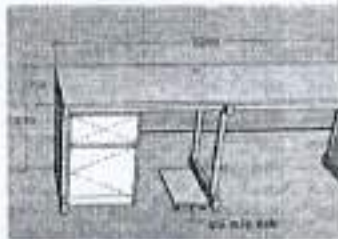
Stt	Danh mục	Thông số và tiêu chí kỹ thuật	Hình ảnh minh họa	Ghi chú
A	Bàn đặt máy (BDM)	<u>Kỹ thuật chung:</u> - Mặt bàn làm bằng vật liệu Phenolic – HPL (High-Pressure Laminate) trong phòng xét nghiệm, dùng trong môi trường chịu hóa chất, chống trầy xước, chống thấm nước và chịu nhiệt độ cao, màu ghi sáng độ dày (mm) từ 18-20; - Khung xương bàn/khung giá đỡ: làm bằng vật liệu thép sơn tĩnh điện dạng hộp, kích thước hộp (mm) 40x80 (± 2), độ dày (mm) ≥ 1; - Chân bàn 2 bên có vách kín, sau bàn có tấm vách lưng vật liệu làm bằng thép sơn tĩnh điện, độ dày (mm) từ 0,8 – 1; - Tủ gắn với bàn: vật liệu làm bằng gỗ nhựa composite HardyPlast 3 lớp, độ dày (mm): từ 17-20; - BDM chi tiết được mô tả như hình ảnh minh họa. - Kích thước: Dài x Rộng x Cao. Chiều cao bàn tính từ nền đến mặt bàn. Ghi chú: Inox xước còn được gọi là inox sọc, tên tiếng Anh là hairline stainless steel (gọi tắt là inox sọc)		
1	BDM1	- Kích thước bàn (mm): 2.300x900x830 - Xương phía dưới mặt bàn chia làm 2 khoang 3 chân, lắp 2 tủ dưới gầm: + Kích thước tủ (mm): 1.090x650x750 + Tủ chia 2 cánh mở, bên trong không có đợt.		Bàn đặt máy công thức mẫu

Handwritten signature

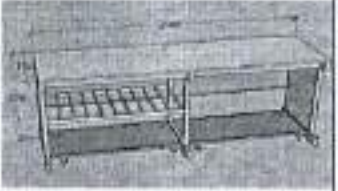
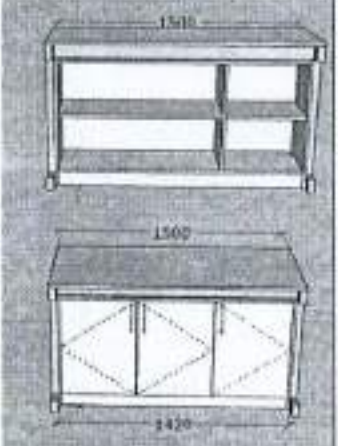
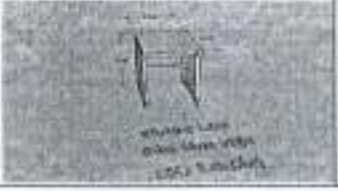
Stt	Danh mục	Thông số và tiêu chí kỹ thuật	Hình ảnh minh họa	Ghi chú
2	BDM2	- Kích thước bàn (mm): 1.550x750x830 - Xương phía dưới mặt bàn chia làm 1 khoang 2 chân, lắp 1 tủ dưới gầm: + Kích thước tủ (mm): 1.470x500x750 + Tủ chia 2 cánh mở, bên trong không có đợt, không có đáy.		Bàn đặt máy đồng mẫu
3	BDM3	- Kích thước bàn (mm): 1.800x750x830 - Xương phía dưới mặt bàn chia làm 2 khoang 3 chân, lắp 2 tủ dưới gầm: + Kích thước tủ (mm): 780x500x750 + Tủ chia 2 cánh mở, bên trong không có đợt, không có đáy.		Bàn đặt máy nước tiểu huyết học
4	BDM4	- Kích thước bàn (mm): 1.800x750x830 - Xương phía dưới mặt bàn chia làm 2 khoang 3 chân, lắp 2 tủ dưới gầm: + Kích thước tủ (mm): 500x500x710 + Tủ chia 2 ngăn: - Ngăn kéo trên có kích thước (mm): 500x450x210 (DxSxC) - Ngăn dưới cánh mở kích thước (mm): 500x500x450 (DxSxC)		Bàn đặt máy nước tiểu hóa sinh

Stt	Danh mục	Thông số và tiêu chí kỹ thuật	Hình ảnh minh họa	Ghi chú
5	BDM5	- Kích thước bàn (mm): 2.000x750 + Chiều cao từ chân bàn đến mặt bàn (mm): 830 + Chiều cao từ chân bàn đến mặt giá cao nhất trên mặt bàn (mm): 1.430 - Trên mặt bàn lắp giá đỡ 2 tầng; + Mặt giá đỡ làm bằng kính cường lực, độ dày (mm) ≥ 10; Kích thước giá (mm): 2.000x300x600 + Lan can giá đỡ làm bằng ống thép sơn tĩnh điện có đường kính (mm) $\geq 12,5$ độ dày (mm) $\geq 0,5$ - Xương phía dưới mặt bàn chia làm 2 khoang 3 chân, lắp 1 tủ dưới gầm và 01 giá đỡ để cây máy tính; + Kích thước tủ (mm): 500x500x710 + Tủ chia 2 ngăn: - Ngăn kéo trên có kích thước (mm): 500x450x210 (DxSxC) - Ngăn dưới cánh mở kích thước (mm): 500x500x450 (DxSxC) + Kích thước giá để cây máy tính (mm): 250x550x100		Bàn đặt máy Xpet và máy tính Phòng Lao
6	BDM6	- Kích thước bàn (mm): 1.000x800x830 - Xương phía dưới mặt bàn chia làm 1 khoang 2 chân, lắp 1 tủ dưới gầm; + Kích thước tủ (mm): 500x500x710 + Tủ chia 2 ngăn: - Ngăn kéo trên có kích thước (mm): 500x450x210 (DxSxC) - Ngăn dưới cánh mở kích thước (mm): 500x500x450 (DxSxC)		Bàn đặt máy ly tâm Phòng Lao

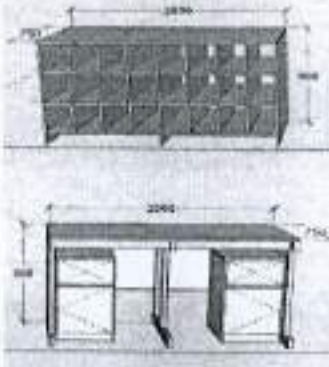


Stt	Danh mục	Thông số và tiêu chí kỹ thuật	Hình ảnh minh họa	Ghi chú
7	BDM7	- Kích thước bàn (mm): 1.550x750x830 - Xương phía dưới mặt bàn chia làm 1 khoang 2 chân, lắp 1 tủ dưới gầm: + Kích thước tủ (mm): 500x500x710 + Tủ chia 2 ngăn: - Ngăn kéo trên có kích thước (mm): 500x450x210 (DxSxC) - Ngăn dưới cánh mở kích thước (mm): 500x500x450 (DxSxC)		Bàn để máy ly tâm và lâm test Phòng miễn dịch
8	BDM8	- Kích thước bàn (mm): 1.800x750x830 - Xương phía dưới mặt bàn chia làm 2 khoang 3 chân, lắp 1 tủ dưới gầm: + Kích thước tủ (mm): 500x500x710 + Tủ chia 2 ngăn: - Ngăn kéo trên có kích thước (mm): 500x450x210 (DxSxC) - Ngăn dưới cánh mở kích thước (mm): 500x500x450 (DxSxC)		Bàn để hệ thống miễn dịch Phòng miễn dịch
9	BDM9	- Kích thước bàn (mm): 2.200x750x830 - Xương phía dưới mặt bàn chia làm 2 khoang 3 chân, lắp 1 tủ và 01 giá đỡ để cây máy tính dưới gầm: + Kích thước tủ (mm): 500x500x710 + Tủ chia 2 tủ chia 2 ngăn: - Ngăn kéo trên có kích thước (mm): 500x450x210 (DxSxC) - Ngăn dưới cánh mở kích thước (mm): 500x500x450 (DxSxC) + Kích thước giá để cây máy tính (mm): 250x550x100		Bàn để Immoun t Phòng miễn dịch

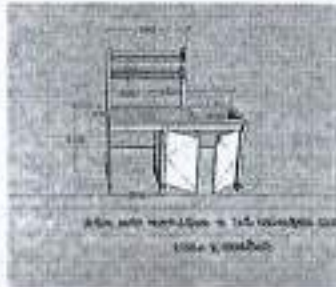


Stt	Danh mục	Thông số và tiêu chí kỹ thuật	Hình ảnh minh họa	Ghi chú
10	BDM10	- Kích thước bàn (mm): 2.500x750x830 - Xương phía dưới mặt bàn chia làm 2 khoang 3 chân, lắp 02 khoang, mỗi khoang có giá đỡ dưới gầm: + Kích thước khoang (mm) 1.200x750 (± 5), giá bên trong có thể tăng chỉnh lên xuống; + Mặt giá đỡ sàn làm bằng tấm Inox sọc 304, độ dày (mm) $\geq 0,8$; có gân tăng cứng + 1 khoang tầng 2 có giá đỡ nan làm bằng hộp Inox bóng 304 kích thước hộp (mm) 15x30 (± 2); độ dày (mm) $\geq 0,8$; khoảng cách giữa các nan (mm) ≥ 25		Bàn để máy Vitek và máy tính Phòng kháng sinh đồ
11	BDM11	- Kích thước bàn (mm): 1.500x750x830 - Xương phía dưới mặt bàn chia làm 1 khoang 2 chân, lắp 01 tủ dưới gầm: + Kích thước tủ (mm): 1.420x650x780 + Tủ chia 3 cánh mở kích thước đều nhau, có 1 đợt chia đều các ngăn.		Bàn để lò vi sóng Phòng môi trường
12	BDM12	- Kích thước bàn (mm): 600x750x830 - Xương phía dưới mặt bàn chia làm 1 khoang 2 chân		Bàn để bể điều nhiệt Phòng môi trường

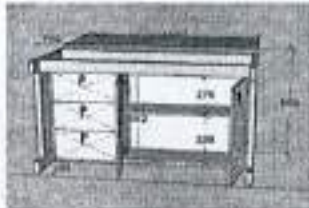
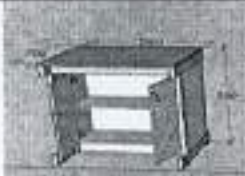
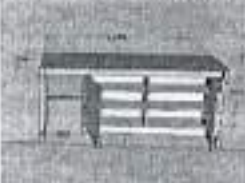
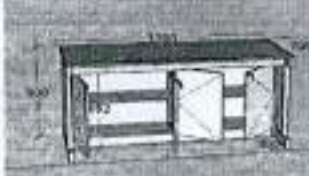
Hcl

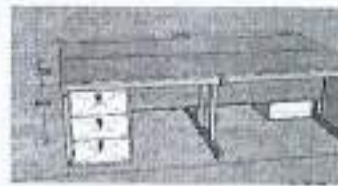
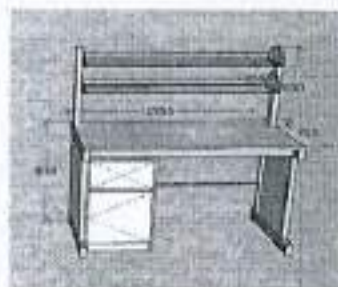
Stt	Danh mục	Thông số và tiêu chí kỹ thuật	Hình ảnh minh họa	Ghi chú
B	Bàn thao tác (BTT)	Kỹ thuật chung: - Mặt bàn làm bằng vật liệu Phenolic – HPL (High-Pressure Laminate) trong phòng xét nghiệm, dùng trong môi trường chịu hóa chất, chống trầy xước, chống thấm nước và chịu nhiệt độ cao, màu ghi sáng độ dày (mm) từ 18-20; - Khung xương bàn/ khung giá đỡ: làm bằng vật liệu thép sơn tĩnh điện dạng hộp, kích thước hộp (mm) 40x80 (± 5), độ dày (mm) ≥ 1; - Chân bàn 2 bên có vách kín, sau bàn có tấm vách lưng vật liệu làm bằng thép sơn tĩnh điện, độ dày (mm) từ 0,8 – 1; - Tủ gắn với bàn vật liệu làm bằng gỗ nhựa composite HardyPlast 3 lớp, độ dày (mm): từ 17-20; - BTT chỉ tiết được mô tả như hình ảnh minh họa. - Kích thước (mm): Dài x Rộng x Cao. Chiều cao bàn tính từ nền đến mặt bàn. Ghi chú: Inox xước còn được gọi là inox sọc, tên tiếng Anh là hairline stainless steel (gọi tắt là inox sọc 304)		
1	BTT1	Chia làm 2 bản: - Bàn chia ô: + Kích thước mặt bàn (mm): 2.000x750x900 + Xương bàn làm bằng vật liệu gỗ nhựa composite HardyPlast 3 lớp, độ dày (mm) từ 17-20; chia 3 hàng mỗi hàng 8 ô, kích thước ô đều nhau. - Bàn thao tác: + Kích thước (mm): 2.000x750x900 + Xương phía dưới mặt bàn chia làm 2 khoang 3 chân, lắp 2 tủ dưới gầm: + Kích thước tủ (mm): 500x500x710 + Tủ chia 2 ngăn: - Ngăn kéo trên có kích thước (mm): 500x450x210 (DxSxC) - Ngăn dưới cánh mở kích thước (mm): 500x500x450 (DxSxC)		Bàn chuyên bom xét nghiệm



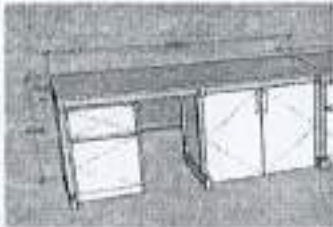
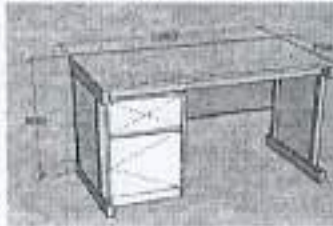
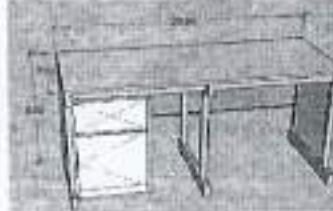
Stt	Danh mục	Thông số và tiêu chí kỹ thuật	Hình ảnh minh họa	Ghi chú
2	BTT2	- Kích thước bàn (mm): 2.000x750x830 - Xương phía dưới mặt bàn chia làm 2 khoang 3 chân, lắp 2 tủ dưới gầm: + Kích thước tủ (mm): 500x500x710 + Tủ chia 2 ngăn: - Ngăn kéo trên có kích thước (mm): 500x450x210 (DxSxC) - Ngăn dưới cánh mở kích thước (mm): 500x500x450 (DxSxC)		Bàn làm việc
3	BTT3	- Kích thước bàn (mm): 1.500 x750x830 - Xương phía dưới mặt bàn chia làm 1 khoang 2 chân, lắp 1 tủ dưới gầm: + Kích thước tủ (mm): 500x500x710 + Tủ chia 2 ngăn: - Ngăn kéo trên có kích thước (mm): 500x450x210 (DxSxC) - Ngăn dưới cánh mở kích thước (mm): 500x500x450 (DxSxC)		Bàn duyệt kết quả hóa sinh
4	BTT4	- Kích thước bàn (mm): 2.000x750x830 - Mặt bàn lắp 01 chậu rửa (1 hộc) bằng inox sọc 304 đi kèm bộ Xiphong thoát nước, bộ lọc rác và 1 vòi rửa nóng lạnh bằng inox bóng 304, đầu vòi rửa có dây kéo dài + Kích thước chậu (mm): 400x500x300 (± 5) (DxRxS) + Kích thước vòi (mm): 430x230 (± 5) (DxR) - Trên mặt bàn lắp giá đỡ 2 tầng + Mặt giá đỡ làm bằng kính cường lực, độ dày (mm) ≥ 10 + Kích thước giá (mm): 1.500x300x600 (± 5) + Lan can giá đỡ làm bằng ống thép sơn tĩnh điện có đường kính (mm) $\geq 12,5$ độ dày (mm) $\geq 0,5$ - Xương phía dưới mặt bàn chia làm 2 khoang 3 chân, lắp 1 tủ dưới gầm: + Kích thước tủ (mm): 1.200x400x710 + Tủ chia 2 cánh mở, bên trong không có đợt.		Bàn xét nghiệm kèm bể nhuộm đơn 2 (Giải phẫu 7)



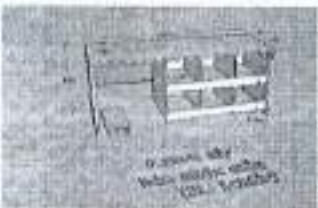
Stt	Danh mục	Thông số và tiêu chí kỹ thuật	Hình ảnh minh họa	Ghi chú
5	BTT5	- Kích thước bàn (mm): 1.500x750x830 - Xương phía dưới mặt bàn chia làm 1 khoang 2 chân, lắp 2 tủ dưới gầm: + 01 tủ ngăn kéo: Kích thước tủ (mm) 500x400x720; chia đều 3 ngăn, có khóa. + 01 tủ chia 2 cánh mở, bên trong có 1 đợt; Kích thước tủ (mm) 1.000x400x710.		Bàn xét nghiệm 1 (Giải phẫu 1)
6	BTT6	- Kích thước bàn (mm): 1.000x750x830 - Xương phía dưới mặt bàn chia làm 1 khoang 2 chân, lắp 1 tủ dưới gầm: + Kích thước tủ (mm) 920x400x710 + Tủ chia 2 cánh mở, bên trong có 1 đợt		Bàn xét nghiệm 2 (Giải phẫu 2)
7	BTT7	- Kích thước bàn (mm): 1.800x750x830 - Xương phía dưới mặt bàn chia làm 1 khoang 2 chân, lắp 1 tủ dưới gầm: + Kích thước tủ (mm) 1.400x400x710 + Tủ chia 2 cánh mở, bên trong có 1 ngăn 2 khoang, mỗi khoang có 2 đợt;		Bàn xét nghiệm 3 (Giải phẫu 3)
8	BTT8	- Kích thước bàn (mm): 1.800x750x830 - Giá chia ô đặt trên bàn: + Kích thước giá: (mm) 1.800x300x800 + Giá chia 2 hàng mỗi hàng 5 ô, kích thước ô đều nhau - Xương phía dưới mặt bàn chia làm 1 khoang 2 chân, lắp 1 tủ dưới gầm: + Kích thước tủ (mm): 900x400x710 + Tủ chia 2 cánh, bên trong có 1 đợt.		Bàn xét nghiệm 4 (Giải phẫu 6)
9	BTT9	- Kích thước bàn (mm): 1.800x750x830 - Xương phía dưới mặt bàn chia làm 2 khoang 3 chân, lắp 2 tủ dưới gầm: + Kích thước tủ (mm): 900x400x710 + Tủ chia 2 cánh, bên trong có 1 đợt.		Bàn xét nghiệm 5 (Giải phẫu 5)

Stt	Danh mục	Thông số và tiêu chí kỹ thuật	Hình ảnh minh họa	Ghi chú
10	BTT10	- Kích thước bàn (mm): 1.800x750x830 - Xương phía dưới mặt bàn chia làm 2 khoang 3 chân, lắp 2 tủ dưới gầm: + Kích thước tủ (mm): 900x400x710 + Tủ chia 2 cánh, bên trong có 1 đợt.		Bàn xét nghiệm 6 (Giải phẫu 8)
11	BTT11	- Kích thước tổng thể (mm): 2.600x1.500x830 - Chia làm 2 bàn đối xứng có kích thước (mm): 2.600x750x 830 - Xương phía dưới mỗi mặt bàn chia làm 2 khoang 3 chân, lắp 1 tủ dưới gầm: + Kích thước tủ (mm): 500x400x720 + Tủ chia đều 3 ngăn kéo, có khóa		Bàn đọc tiêu bản (Giải phẫu 9)
12	BTT12	- Kích thước bàn (mm): 1.550x750x830 - Trên mặt bàn lắp giá đỡ 2 tầng + Mặt giá đỡ làm bằng kính cường lực, độ dày (mm) ≥ 10 + Kích thước giá (mm): 1.550x300x600 + Lan can giá đỡ làm bằng ống thép sơn tĩnh điện có đường kính (mm) $\geq 12,5$ độ dày (mm) $\geq 0,5$ - Xương phía dưới mặt bàn chia làm 1 khoang 2 chân, lắp 1 tủ dưới gầm: + Kích thước tủ (mm): 500x500x710 + Tủ chia 2 ngăn: - Ngăn kéo trên có kích thước (mm): 500x450x210 (DxSxC) - Ngăn dưới cánh mở kích thước (mm): 500x500x450 (DxSxC)		Bàn nhỏ mẫu (Phòng miễn dịch)

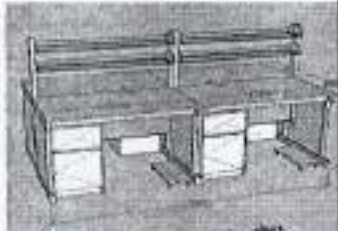
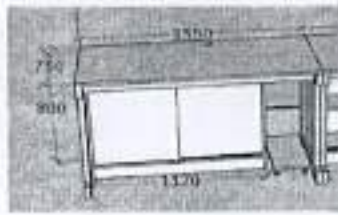
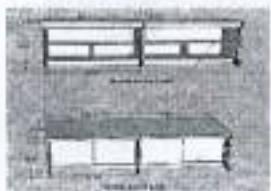
gal

Stt	Danh mục	Thông số và tiêu chí kỹ thuật	Hình ảnh minh họa	Ghi chú
13	BTT13	- Kích thước bàn (mm): 2.000x750x830 - Xương phía dưới mặt bàn chia làm 2 khoang 3 chân, lắp 2 tủ dưới gầm: + 01 tủ kích thước (mm) 500x500x710. Tủ chia 2 ngăn: - Ngăn kéo trên có kích thước (mm): 500x450x210 (DxSxC) - Ngăn dưới cánh mở kích thước (mm): 500x500x450 (DxSxC) + 01 tủ kích thước (mm) 940x500x710. Tủ chia 2 cánh mở, bên trong có 1 đợt		Bàn thực hiện kỹ thuật (Phòng kỹ sinh trùng)
14	BTT14	- Kích thước bàn (mm): 1.500x750x830 - Xương phía dưới mặt bàn chia làm 1 khoang 2 chân, lắp 1 tủ dưới gầm: + Kích thước tủ (mm): 500x500x710 + Tủ chia 2 ngăn: - Ngăn kéo trên có kích thước (mm): 500x450x210 (DxSxC) - Ngăn dưới cánh mở kích thước (mm): 500x500x450 (DxSxC)		Bàn máy tính trả kết quả (Phòng kỹ sinh trùng)
15	BTT15	- Kích thước bàn (mm): 2.000x750x830 - Xương phía dưới mặt bàn chia làm 2 khoang 3 chân, lắp 1 tủ dưới gầm: + Kích thước tủ (mm): 500x500x710 + Tủ chia 2 ngăn: - Ngăn kéo trên có kích thước (mm): 500x450x210 (DxSxC) - Ngăn dưới cánh mở kích thước (mm): 500x500x450 (DxSxC)		Bàn xử lý mẫu (Phòng kháng sinh đồ)

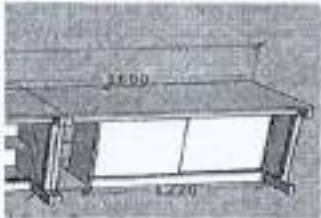
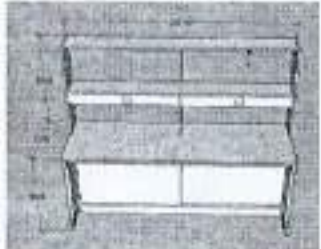
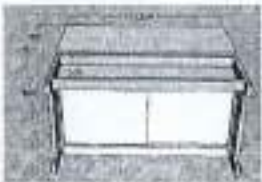


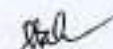
Stt	Danh mục	Thông số và tiêu chí kỹ thuật	Hình ảnh minh họa	Ghi chú
16	BTT16	- Kích thước bàn (mm): 1.200x750x830 - Trên mặt bàn lắp giá đỡ 2 tầng; + Mặt giá đỡ làm bằng kính cường lực, độ dày (mm) ≥ 10 + Kích thước giá (mm): 1.200x300x600 + Lan can giá đỡ làm bằng ống thép sơn tĩnh điện có đường kính (mm) $\geq 12,5$ độ dày (mm) $\geq 0,5$ - Xương phía dưới mặt bàn chia làm 1 khoang 2 chân, lắp 1 giá có nan dưới gầm bằng inox bóng 304 dạng hộp, kích thước hộp (mm) 15x30 (± 3), độ dày (mm) $\geq 0,8$; khoảng cách giữa các nan (mm) ≤ 25		Bàn chuẩn bị môi trường (Phòng nuôi cấy)
17	BTT17	- Kích thước bàn (mm): 2.000x750x830 - Xương phía dưới mặt bàn chia làm 1 khoang 2 chân, lắp 02 giá đựng dụng cụ làm bằng tấm Inox sọc 304 độ dày (mm) $\geq 0,8$ + 01 giá có vách chia thành 6 ô đều nhau kích thước giá (mm) 1.200x700x800 (± 5) + Giá để máy tính, kích thước giá (mm): 250x550x100		Bàn nhận mẫu (Phòng nuôi cấy)
18	BTT18	- Kích thước bàn (mm): 1.200x750x830 - Xương phía dưới mặt bàn chia làm 2 khoang 3 chân, lắp 01 tủ và 01 giá: + Kích thước tủ (mm): 500x500x710. + Tủ chia 2 ngăn: - Ngăn kéo trên có kích thước (mm): 500x450x210 (DxSxC) - Ngăn dưới cánh mở kích thước (mm): 500x500x450 (DxSxC) + Giá để máy tính, kích thước giá (mm): 250x550x100		Bàn trả kết quả (Phòng nuôi cấy)

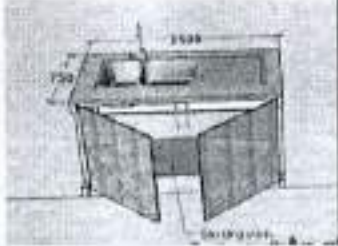


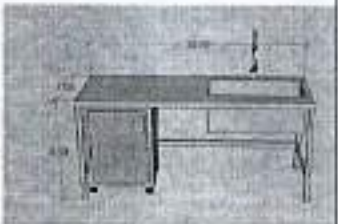
Stt	Danh mục	Thông số và tiêu chí kỹ thuật	Hình ảnh minh họa	Ghi chú
19	BTT19	- Kích thước bàn (mm): 3.000x1.600x830 (chia 4 mặt bàn ghép đối xứng) - Trên mặt bàn lắp giá đỡ 2 tầng ở giữa: + Mặt giá đỡ làm bằng kính cường lực, độ dày (mm) ≥ 10 + Kích thước giá (mm): 3.000x300x600 + Lan can giá đỡ làm bằng ống thép sơn tĩnh điện có đường kính (mm) $\geq 12,5$ độ dày (mm) $\geq 0,5$ - Xương phía dưới mặt bàn chia làm 2 khoang 3 chân, lắp 04 tủ và 04 giá + Kích thước tủ (mm): 500x500x710. Tủ chia 2 ngăn: - Ngăn kéo trên có kích thước (mm): 500x450x210 (DxSxC) - Ngăn dưới cánh mở kích thước (mm): 500x500x450 (DxSxC) + Giá để máy tính kích thước giá (mm): 250x550x100		Bàn làm xét nghiệm (Phòng nuôi cấy)
20	BTT20	- Kích thước bàn (mm): 1.550x750x830 - Xương phía dưới mặt bàn chia làm 1 khoang 2 chân, lắp 1 tủ dưới gầm: + Kích thước tủ (mm): 1.170x450x720 + Tủ chia 2 cánh dạng lùa, bên trong có 1 đợt. + 01 giá để máy tính kích thước giá (mm): 250x550x100		Bàn truyền máu 1
21	BTT21	- Kích thước bàn (mm): 1.550x750x830 - Xương phía dưới mặt bàn chia làm 1 khoang 2 chân, lắp 1 tủ dưới gầm: + Kích thước tủ (mm): 1.470x450x720 + Tủ chia 2 cánh dạng lùa, bên trong có 1 đợt, 1 vách chống võng		Bàn truyền máu 2
22	BTT22	- Kích thước bàn (mm): 3.600x1.200x830 - Xương phía dưới mặt bàn chia làm 2 khoang 3 chân, lắp 2 tủ dưới gầm: + Kích thước tủ (mm): 1.720x600x720 + Tủ chia 2 cánh dạng lùa, bên trong có 1 đợt, 1 vách chống võng		Bàn truyền máu 3 (mặt bàn liền một khối)

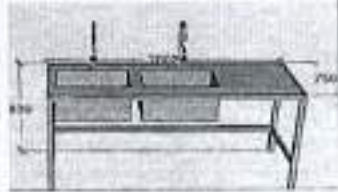


Stt	Danh mục	Thông số và tiêu chí kỹ thuật	Hình ảnh minh họa	Ghi chú
23	BTT23	- Kích thước bàn (mm): 1.600x750x830 - Xương phía dưới mặt bàn chia làm 1 khoang 2 chân, lắp 1 tủ và 1 giá dưới gầm: + Kích thước tủ (mm): 1.220x450x720 + Tủ chia 2 cánh dạng lùa, bên trong có 1 đợt. + 01 giá để máy tính kích thước giá (mm): 250x550x100		Bàn khoa truyền mẫu 4
24	BTT24	- Kích thước bàn (mm): 2.030 x750x830 - Trên mặt bàn lắp giá đỡ 2 tầng: + Khung và mặt giá làm bằng gỗ nhựa composite HardyPlast 3 lớp, độ dày (mm) ≥ 17 + Kích thước giá (mm): 2.030x300x850 + Tầng 1 của giá bố trí 02 ổ điện + Tầng 2 của giá bố trí 04 giá treo kèm móc inox bóng 304 đặc ruột, đường kính (mm) ≥ 6 - Xương phía dưới mặt bàn chia làm 1 khoang 2 chân, lắp 1 tủ dưới gầm: + Kích thước tủ (mm): 1.948x450x720 + Tủ chia 2 cánh dạng lùa, bên trong có 1 đợt	 	Bàn khoa truyền mẫu 5
25	BTT25	- Kích thước bàn (mm): 1.500x750x830 - Xương phía dưới mặt bàn chia làm 1 khoang 2 chân, lắp 1 tủ dưới gầm: + Kích thước tủ (mm): 1.420 x400x720 + Tủ chia 2 cánh dạng lùa, bên trong có 1 đợt.		Bàn khoa truyền mẫu 6

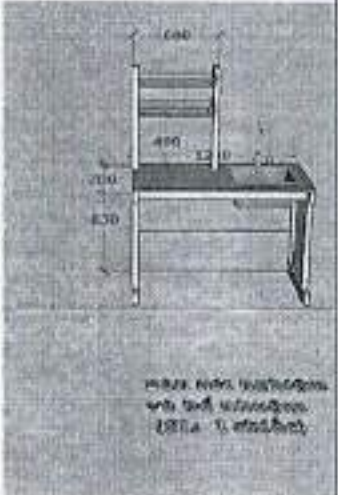


Stt	Danh mục	Thông số và tiêu chí kỹ thuật	Hình ảnh minh họa	Ghi chú
C	Bàn thao tác Inox	- Mặt bàn/sàn/giá đỡ và chậu rửa làm bằng tấm Inox sọc 304, độ dày (mm) $\geq 0,8$; - Khung /xương bàn làm bằng hộp inox bóng 304, kích thước hộp (mm) 30x30 (± 3), độ dày (mm) $\geq 0,8$; - Vòi rửa nóng lạnh làm bằng vật liệu Inox bóng 304; - BTT chi tiết được mô tả như hình ảnh minh họa - Kích thước bàn (mm): Dài x Rộng x Cao. Chiều cao bàn tính từ nền đến mặt bàn. - Ghi chú: Inox xước còn được gọi là inox sọc, tên tiếng Anh là hairline stainless steel (gọi tắt là inox sọc 304)		
26	BTT Inox 26	- Kích thước bàn (mm): 1.500x750x830 - Mặt bàn lắp chậu rửa (2 hộc + 1 bàn) bao gồm bộ Xiphong thoát nước, bộ lọc rác và 1 vòi rửa nóng lạnh, đầu vòi rửa có dây kéo dài: + Kích thước chậu (mm) 340x400x240 (± 5) + Kích thước vòi (mm): 430x230 (± 5) (DxR) - Xương phía dưới mặt bàn chia làm 1 khoang 2 chân, gắn 1 tủ dưới gầm: + Kích thước cánh tủ (mm): 1.420x750 (DxR) + Tủ gắn với bàn chia 2 cánh mở, cánh tủ làm bằng vật liệu gỗ nhựa composite HardyPlast 3 lớp, độ dày (mm): từ 17-20; + Mặt sàn tủ bằng tấm Inox sọc 304 độ dày (mm) $\geq 0,8$; có thể tăng chỉnh lên/xuống;		Bàn xét nghiệm kết hợp bồn rửa

Stt	Danh mục	Thông số và tiêu chí kỹ thuật	Hình ảnh minh họa	Ghi chú
27	BTT Inox 27	- Kích thước bàn (mm): 1.800x750x830 - Mặt bàn lắp chậu rửa (1 hộc) bao gồm bộ Xiphong thoát nước, bộ lọc rác và 1 vòi rửa nóng lạnh, đầu vòi rửa có dây kéo dài: + Kích thước chậu (mm) 600x400x300 (± 5) (DxRxS) + Kích thước vòi (mm): 430x230 (± 5) (DxR) - Xương phía dưới mặt bàn chia làm 1 khoang 2 chân, lắp 1 tủ rời có 4 bánh xe, đường kính bánh xe (mm): 50 (± 5), có 2 phanh: + Kích thước tủ: 500x500x750 (bao gồm cả bánh xe) + Khung tủ làm bằng inox sọc 304, dạng hộp vuông kích thước hộp (mm) 25x25 (± 3) + Tủ có 1 cánh mở làm bằng tấm Inox sọc 304, độ dày (mm) $\geq 0,8$; + Mặt sàn tủ bằng tấm Inox sọc 304 độ dày (mm) $\geq 0,8$;		Bàn inox có bồn (Phòng môi trường)
28	BTT Inox 28	- Kích thước bàn (mm): 4.000x750x830 - Mặt bàn lắp 02 chậu rửa (1 hộc) bao gồm bộ Xiphong thoát nước, bộ lọc rác và 1 vòi rửa nóng lạnh, đầu vòi rửa có dây kéo dài: + Kích thước chậu 1 (mm): 400x400x300 (± 5) (DxRxS) + Kích thước chậu 2 (mm): 800x400x300 (± 5) (DxRxS) + Kích thước vòi (mm): 430x230 (± 5) (DxR) - Xương phía dưới mặt bàn chia làm 2 khoang 3 chân, lắp giá 2 tầng dưới gầm: + 01 giá có nan dưới gầm làm bằng inox bóng 304 dạng hộp, kích thước hộp (mm) 15x30 (± 3), độ dày (mm) $\geq 0,8$; khoảng cách giữa các nan (mm) ≤ 25 + 01 giá sàn làm bằng tấm Inox sọc 304, độ dày (mm) $\geq 0,8$ có tăng cứng		Bàn rửa dụng cụ (Phòng hấp rửa)

Stt	Danh mục	Thông số và tiêu chí kỹ thuật	Hình ảnh minh họa	Ghi chú
29	BTT Inox 29	- Kích thước bàn (mm): 900x750x830 - Mặt bàn lắp 01 chậu rửa (1 hộc) bao gồm bộ Xiphong thoát nước, bộ lọc rác và 1 vòi rửa nóng lạnh, đầu vòi rửa có dây kéo dài: + Kích thước chậu (mm): 400x500x300 (± 5) (DxRxS) + Kích thước vòi (mm): 430x230 (± 5) (DxR) - Xương phía dưới mặt bàn chia làm 1 khoang 2 chân, lắp giá 2 tầng dưới gầm: + 01 giá có nan dưới gầm làm bằng inox bóng 304 dạng hộp, kích thước hộp (mm) 15x30 (± 3), độ dày (mm) $\geq 0,8$; khoảng cách giữa các nan (mm) ≤ 25 + 01 giá sàn làm bằng tấm Inox sọc 304, độ dày (mm) $\geq 0,8$ có tăng cứng		Bồn nhuộm (Phòng nuôi cấy)
30	BTT Inox 30	- Kích thước bàn (mm): 2.000x750x830 - Mặt bàn lắp 02 chậu rửa (1 hộc) bao gồm bộ Xiphong thoát nước, bộ lọc rác và 1 vòi rửa nóng lạnh, đầu vòi rửa có dây kéo dài: + Kích thước mỗi chậu (mm): 500x400x300 (± 5) (DxRxS) + Kích thước vòi (mm): 430x230 (± 5) (DxR) - Xương phía dưới mặt bàn chia làm 1 khoang 2 chân		Bàn inox rửa dụng cụ



Stt	Danh mục	Thông số và tiêu chí kỹ thuật	Hình ảnh minh họa	Ghi chú
31	BTT Inox 31	- Kích thước bàn (mm): 1.200x750x830 - Mặt bàn lắp 01 chậu rửa (1 hộc) bao gồm bộ Xiphong thoát nước, bộ lọc rác và 1 vòi rửa nóng lạnh, đầu vòi rửa có dây kéo dài: + Kích thước chậu (mm): 500x400x300 (± 5) (DxRxS) + Kích thước vòi (mm): 430x230 (± 5) (DxR) - Xương phía dưới mặt bàn chia làm 1 khoang 2 chân, xung quanh chân bàn có tấm vách ngăn bằng gỗ công nghiệp MDF độ dày (mm) ≥ 12, kích thước: 1.200x350 (DxR) và 750x830 (DxR) - Trên mặt bàn lắp giá đỡ 2 tầng + Mặt giá đỡ làm bằng kính cường lực, độ dày (mm) ≥ 10 + Kích thước giá (mm): 1200x300x600 + Lan can giá đỡ làm bằng ống thép sơn tĩnh điện có đường kính (mm) $\geq 12,5$ độ dày (mm) $\geq 0,5$		Bàn xét nghiệm kèm bể nhuộm đơn 1 (Giải phẫu 4)
32	BTT Inox 32	- Kích thước bàn (mm): 1.000x800x830 - Mặt bàn lắp 01 chậu rửa (1 hộc) bao gồm bộ Xiphong thoát nước, bộ lọc rác và 1 vòi rửa nóng lạnh, đầu vòi rửa có dây kéo dài: + Kích thước chậu (mm): 800x400x300 (± 5) (DxRxS) + Kích thước vòi (mm): 430x230 (± 5) (DxR) - Xương phía dưới mặt bàn chia làm 1 khoang 2 chân, lắp giá 2 tầng dưới gầm: + 01 giá có nan dưới gầm làm bằng inox bóng 304 dạng hộp, kích thước hộp (mm) 15x30 (± 3), độ dày (mm) $\geq 0,8$; khoảng cách giữa các nan (mm) ≤ 25 + 01 giá sàn làm bằng tấm Inox sọc 304, độ dày (mm) $\geq 0,8$ có tăng cứng		Bồn nhuộm (Phòng Lao)

Hth

Stt	Danh mục	Thông số và tiêu chí kỹ thuật	Hình ảnh minh họa	Ghi chú
33	BTT Inox 33	- Kích thước bàn (mm): 1.000x750x830 - Mặt bàn lắp 01 chậu rửa (1 hộc) bao gồm bộ Xiphong thoát nước, bộ lọc rác và 1 vòi rửa nóng lạnh, đầu vòi rửa có dây kéo dài: + Kích thước chậu (mm): 500x400x300 (± 5) (DxRxS) + Kích thước vòi (mm): 430x230 (± 5) (DxR) - Xương phía dưới mặt bàn chia làm 1 khoang 2 chân, lắp giá dưới gầm bằng tấm Inox sọc 304, độ dày (mm) $\geq 0,8$ có tăng cứng		Bồn rửa inox (Phòng miễn dịch)
34	BTT Inox 34	- Kích thước bàn (mm): 1.200x750x830 - Mặt bàn lắp 01 chậu rửa (1 hộc) bao gồm bộ Xiphong thoát nước, bộ lọc rác và 1 vòi rửa nóng lạnh, đầu vòi rửa có dây kéo dài: + Kích thước chậu (mm): 600x450x260 (± 5) (DxRxS) + Kích thước vòi (mm): 430x230 (± 5) (DxR) - Xương phía dưới mặt bàn chia làm 1 khoang 2 chân, lắp giá 2 tầng dưới gầm: + 01 giá có nan dưới gầm làm bằng inox bóng 304 dạng hộp, kích thước hộp (mm) 15x30 (± 3), độ dày (mm) $\geq 0,8$; khoảng cách giữa các nan (mm) ≤ 25 + 01 giá sàn làm bằng tấm Inox sọc 304, độ dày (mm) $\geq 0,8$ có tăng cứng		Bồn rửa inox (Phòng ký sinh trùng)

Stt	Danh mục	Thông số và tiêu chí kỹ thuật	Hình ảnh minh họa	Ghi chú
35	BTT Inox 35	- Kích thước bàn (mm): 1.200x750x830 - Xương phía dưới mặt bàn chia làm 1 khoang 2 chân, lắp 01 giá có nan dưới gầm làm bằng inox bóng 304 dạng hộp, kích thước hộp (mm) 15x30 (± 3), độ dày (mm) $\geq 0,8$; khoảng cách giữa các nan (mm) ≤ 25		Bàn inox phoi môi trường (Phòng môi trường)

....., ngày tháng ... năm 2025

Đại diện hợp pháp của đơn vị báo giá

(Ký, ghi rõ chức danh, họ tên và đóng dấu)

31

31